

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: TT4/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH TH**

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tuấn

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Văn Tân;

2. Ông Đào Quang Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh

TH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên tòa:* Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022; Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Chị Bùi Thị Th - Sinh năm: 1995

Nơi ĐKKHKT: Thôn MH, xã TM, huyện TT, tỉnh TH.

Nơi cư trú: Thôn BB, xã TC, huyện TT, tỉnh TH.

- *Bị đơn:*

Anh Bùi Văn L; Sinh năm: 1985

Nơi ĐKKHKT: Thôn MH, xã TM, huyện TT, tỉnh TH.

Hiện nay anh Bùi Văn L đang chấp hành án tại: Trại tạm giam Công an tỉnh TH.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn L (Chị Th và anh L có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2022, bản tự khai ngày 28/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện TT, tỉnh TH vào ngày 03/02/2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống vui vẻ, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L nghiện ma túy, không chịu khó làm ăn, không chăm lo tới gia đình, vợ con. Chị Th và anh L sống ly thân từ ngày từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện TT giải quyết cho chị Th được ly hôn anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thị Kiều T, sinh ngày: 11/5/2016. Khi ly hôn, chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tâm và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

- Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết và tại bản tự khai ngày 30/11/2022 bị đơn anh Bùi Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Bùi Văn L và chị Bùi Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện TT, tỉnh TH vào ngày 03/02/2016. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ, chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Anh L và chị Th đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay anh L xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên anh L đồng ý ly hôn với chị Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thị Kiều T, sinh ngày: 11/5/2016. Hiện nay anh L đang phải đi chấp hành án nên sau khi ly hôn anh L đồng ý giao cháu Bùi Thị Kiều T cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

- Về tài sản: Anh L và chị Th không có tài sản chung, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS); người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Bùi Văn L. Giao cháu Bùi Thị Kiều T, sinh ngày: 11/5/2016 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

- Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn L. Anh L đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện TT, tỉnh TH. Nên xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện TT, tỉnh TH, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải (Vì anh L đang đi chấp hành án). Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS. Anh L cũng đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Bùi Thị Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện TT, tỉnh TH vào ngày 03/02/2016 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng có cuộc sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, anh L không chịu khó làm ăn và không chăm lo cho gia đình. Hiện anh L đang phải chấp hành án vì phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Chị Th và anh L đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Th được ly hôn anh L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Th và anh L có 01 con chung là cháu Bùi Thị Kiều T, sinh ngày: 11/5/2016. Khi ly hôn, chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tâm và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th. Tại bản tự khai ngày 30/11/2022 anh L có trình bày đồng ý giao con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th. Hội đồng xét xử thấy: Đây là sự tự nguyện của chị Th và anh L phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị Th được chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Bùi Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Kiều T, sinh ngày: 11/5/2016 cho chị Bùi Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Bùi Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu toàn bộ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh TH, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007880 ngày 18/11/2022. Chị Bùi Thị Th đã nộp đủ tiền án phí theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn L. Chị Th và anh L có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- UBND xã TC;
- THADS huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

